TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2020.
V/v tranh chấp " Ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Ng với Anh Phan Quốc S".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thơm.
2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khóm H, xã M, huyện V, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Anh Phan Quốc S, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện K, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ng trình bày: Do quen biết và sau một thời gian tìm hiểu chị và Anh Phan Quốc S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung: Cháu Phan Văn L, sinh ngày 13/01/2012, hiện tại Cháu L đang sống cùng với chị. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng khác biệt, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sông, vợ chồng cố gắn thay đổi để hàn gắn nhưng không hàn gắn được và vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với Anh S.

Về con chung và nuôi con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Cháu L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn Anh Phan Quốc S vắng mặt không rõ lý do. Quá trình giải quyết vụ án Anh S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị Ng về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, thời gian ly thân. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn anh cho rằng Chị Ng có người đàn ông khác nên yêu cầu được ly hôn với anh. Nay Chị Ng yêu cầu ly hôn, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Do mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về nuôi con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi Cháu L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho Chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với Anh Phan Quốc S; Về nuôi con chung: Giao con chung Cháu L cho Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận Chị Ng không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Ng thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Ly hôn ". Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Phan Quốc S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Ng và Anh Phan Quốc S là hợp pháp. Chị Ng và Anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Ng và Anh S có thời gian sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách và môi trường sống khác biệt nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do Chị Ng có người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Quá trình giải quyết Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn nhưng Anh S vắng mặt không rõ lý do, tại phiên tòa Anh S tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, chứng tỏ anh không có thiện

chí để hàn gắn đoàn tụ. Hơn nữa, Chị Ng và Anh S ly thân từ năm 2013 cho đến nay vẫn không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa Chị Ng và Anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Ng, cho chị được ly hôn với Anh S là phù hợp.

[3] Về con chung và nuôi con chung: Vợ chồng Chị Ng, Anh S xác định có 01 con chung: Cháu Phan Văn L, sinh ngày 13/01/2012, cả hai anh chị đều có nguyện vọng yêu cầu trực tiếp được nuôi Cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy Cháu L từ khi sinh ra và lớn lên đều sống bên cạnh Chị Ng, hiện tại Cháu L đang đi học và sinh sống cùng với Chị Ng. Mặt khác, Cháu L có nguyện vọng sống cùng với Chị Ng nên để đảm bảo tâm sinh lý, tránh sáo trộn môi trường sống của cháu cần giao con cho Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận Chị Ng không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Anh S không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, Anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Chị Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Anh S.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Nguyễn Thị Ng. Cho ly hôn giữa Chị Ng và Anh Phan Quốc S.

2. Về con chung và nuôi con chung: Vợ chồng Chị Ng, Anh S xác định có 01 con chung cháu Phan Văn L, sinh ngày 13/01/2012. Giao con chung Cháu L cho Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận Chị Ng không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Anh S không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, Anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Chị Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Anh S.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012938 ngày 27 tháng 12 năm 2019 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh